TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan H

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công B

Ông Vũ Văn L

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị T - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố H.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Đ.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố H, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 96/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn,theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 587/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 675/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, ĐKHKTT: Tổ Lệ T 2 (Cũ là tổ 8, khu 2), phường N, quận K, thành phố H; (Có mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Văn A; ĐKHKTT: Tổ Lệ T 2 (Cũ là tổ 8, khu 2), phường N, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 6 năm 2021, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn A có làm thủ tục kết hôn ngày 12/11/2004, tại Ủy ban nhân dân phường Nam S, quận K, thành phố H. Trước khi kết hôn chị T và anh A được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn chị T và anh A chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, thông cảm, chia sẻ dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân, sau đó

được hai bên gia đình khuyên giải vợ chồng lại về đoàn tụ, chung sống nhưng chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và kéo dài đến tháng 4 năm 2021 chị T đã bỏ ra ngoài thuê nhà ở và sống ly thân với anh A từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh A có vài lần đến nói chuyện hàn gắn tình cảm nhưng chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài nhiều năm nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị không quay về tiếp tục chung sống với anh A nữa và chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A. Về con chung: Chị T và anh A có hai con chung là Phạm Thị Hà M, sinh ngày 06/12/2005 và Phạm Huy M, sinh ngày 22/9/2007. Hiện nay chị T làm nghề tự do, thu nhập và nơi ở không ổn định. Anh A là lao động tự do, thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/1 tháng; có nơi ở ổn định. Chị T đồng ý giao hai con là Phạm Thị Hà M và Phạm Huy M cho anh A được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con Phạm Huy M với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 8/2021 đến khi con Phạm Huy M đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 12/7/2021, anh Phạm Văn A trình bày: Anh Phạm Văn A và chị Hoàng Thị T tự nguyện kết hôn năm 2004, tại Ủy ban nhân dân phường Nam S, quận K, thành phố H. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị T tự ý bỏ nhà đi từ tháng 02 năm 2021 đến nay. Chị T xin ly hôn anh, anh A không có ý kiến gì. Về con chung: Anh Phạm Văn A và chị Hoàng Thị T có hai con chung là Phạm Thị Hà M, sinh ngày 06/12/2005 và Phạm Huy M, sinh ngày 22/9/2007. Từ khi vợ chồng sống ly thân anh A là người trực tiếp nuôi dưỡng hai co. Hiện nay anh A làm nghề tự do, thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/1 tháng. Khi ly hôn anh A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Phạm Thị Hà M và Phạm Huy M; yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con Phạm Huy M, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/ 1 tháng đến khi con Phạm Huy M đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng khi ly hôn.

Trong quá trình Tòa án giải quyết ly hôn, các con chung của chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn A đều có nguyện vọng được ở với bố là Phạm Văn A khi bố mẹ ly hôn.

Tại Đơn xác nhận, địa phương nơi chị T và anh A sinh sống đã cùng cung cấp: Trong quá trình chung sống chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn A xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; đối với nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Phạm Văn A. Về con chung: Giao cháu Hà M và Huy M cho anh A được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Huy M 1triệu đ /tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngày 30 tháng 6 năm 2021 chị Hoàng Thị T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận K, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn A; bị đơn là anh Phạm Văn A, trú tại phường N quận K, thành phố H. Tranh chấp này được Tòa án nhân dân quận K thụ lý giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Phạm Văn A không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là anh Phạm Văn A.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn A có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường N, quận K, thành phố H, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2004 ngày 28 tháng 9 năm 2004. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về hôn nhân: Trong quá trình chung sống chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn A đã phát nhiều mâu thuẫn, chị T và anh A hiện nay đã sống ly thân; Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh A để giải quyết việc chị T có đơn xin ly hôn và tiến hành hòa giải nhưng anh A đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa chị T trình bày tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài và chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh A. Chứng tỏ tình cảm giữa chị T và anh A không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên cùng không có ý thức hàn gắn đoàn tụ. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Phạm Văn A. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị T và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp thực tế vụ kiện và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn A có hai con chung là Phạm Thị Hà M, sinh ngày 06/12/2005 và Phạm Huy M, sinh ngày 22/9/2007. Hiện nay chị T làm nghề tự do, thu nhập và nơi ở không ổn định. Anh A là lao động tự do, thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/1 tháng; có nơi ở ổn định. Khi ly hôn anh A đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung là Phạm Thị Hà M và Phạm Huy M đến khi con đủ 18 tuổi; chị T đồng ý giao hai con cho anh A được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi và đây cũng là nguyện vọng của hai con Phạm Thị Hà M và Phạm Huy M và cũng là quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa nên cần được chấp nhận. Giao cho anh Phạm Văn A được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Phạm Thị Hà M và Phạm Huy M đến khi con đủ 18 tuổi.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn A yêu cầu chị Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phạm Huy M với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con Phạm Huy M với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 8/2021 đến khi con Phạm Huy M đủ 18 tuổi. Sự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con giữa anh A và chị T phù hợp pháp luật, phù hợp thực tế cần được ghi nhận.

[7] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn A có yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì chị Hoàng Thị T phải nộp án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; đối với án phí cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa nên người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Tình:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn A.

- Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn A có hai con chung là Phạm Thị Hà M, sinh ngày 06/12/2005 và Phạm Huy M, sinh ngày 22/9/2007. Giao cho anh Phạm Văn A được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Phạm Thị Hà M và Phạm Huy M đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Hoàng Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phạm Huy M, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, kể từ tháng 8 năm 2021 đến khi con Phạm Huy M đủ 18 tuổi.

Chị Hoàng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị Hoàng Thị T, anh Phạm Văn A có yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng tiền án phí dân sự sơ thẩm chị Hoàng Thị T phải nộp là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Hoàng Thị Tình đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015336 ngày 01/7/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H, chị Hoàng Thị T còn phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Phạm Văn A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP H;
- VKSNDTP H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường N, quận K, thành phố H
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Lan H

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bình **Nguyễn Công Biên** **Cao Đặng Trình**